

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Tiếng Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Tiếng Anh

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nhằm đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cao do được trang bị kiến thức khoa học về ngôn ngữ một cách có hệ thống, sâu, rộng, hiện đại đồng thời nắm vững cơ sở lý luận về các phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại và thực tiễn vận dụng các phương pháp này vào giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả việc giảng dạy và học tập tiếng Anh.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh đào tạo học viên

- Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực nghiên cứu khoa học.
- Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức về khoa học ngôn ngữ và giảng dạy ngoại ngữ và các khoa học liên ngành như Khoa học giáo dục, Tâm lý học, Xã hội học, Nhân chủng học ... để nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề trong giảng dạy bộ môn tiếng Anh

- Có khả năng tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin một cách khoa học và nghiên cứu phát triển tri thức khoa học về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh.

- Có khả năng xây dựng và phát triển đề tài nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học ngôn ngữ, giảng dạy chuyên ngành ngoại ngữ, và khoa học giáo dục ở bậc học cao hơn.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
Phẩm chất	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc.
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	Phản biện các vấn đề một cách khoa học
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn

PI.3.1	Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lí để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lí hoạt động chuyên môn
PI.3.3.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lí hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và khoa học liên ngành để giải quyết hiệu quả các vấn đề nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
PI 4.1	Vận dụng hiệu quả kiến thức ngôn ngữ học tiếng Anh (ngữ âm, ngữ nghĩa, cú pháp, từ vựng) để đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ.
PI 4.2	Vận dụng hiệu quả kiến thức ngôn ngữ học, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và khoa học liên ngành để giải quyết các vấn đề trong giảng dạy bộ môn tiếng Anh.
PLO 5	Thực hiện và phổ biến kết quả nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
PI 5.1	Thực hiện đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn.
PI 5.2	Phổ biến kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn.

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh định hướng nghiên cứu. có thể:

- Giảng dạy tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục, các trung tâm ngoại ngữ.
- Nghiên cứu phương pháp giảng dạy tiếng Anh, khoa học ngôn ngữ, khoa học giáo dục tại các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Học lên trình độ tiến sĩ về Lý luận phương pháp dạy tiếng Anh, Khoa học ngôn ngữ hoặc Khoa học giáo dục trong nước và ở các nước sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính hoặc tiếng mẹ đẻ hoặc sử dụng tiếng Anh ngôn ngữ giảng dạy chính.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 63 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5

D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh của Khoa Ngữ Văn Anh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh của Đại học Canberra liên kết với Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh của Trường Đại học Victoria - Wellington liên kết với Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (trừ tiếng Anh) sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ **Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Ngôn ngữ học

- Môn cơ sở: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	05	14.5	05	-	-	-
Kiến thức chuyên ngành	31	41.9	12	38.7	19	61.3
Chuyên đề nghiên cứu	12	19.4	12	-	-	-
Luận văn tốt nghiệp	15	24.2	15	-	-	-
Tổng	63	100	44		19	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số	LT	Th, TL	Hệ số kiểm tra
----	----------	--------------	----	----	-----------	----------------

			tín ch ĩ			QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08LPTA1001	Triết học	4			0.4	0.6
2	08LPTA1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1			0.5	0.5
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		31				
	Học phần bắt buộc		12				
1	08LPTA2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	2	30		0.5	0.5
2	08LPTA2004	Các nguyên tắc học tập và giảng dạy tiếng (Principles of Language Learning and Teaching)	2	30		0.4	0.6
3	08LPTA2005	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	2	30		0.4	0.6
4	08LPTA2006	Kiểm tra ngôn ngữ (Language Testing)	2	30		0.6	0.4
5	08LPTA2007	Phương pháp giảng dạy nâng cao (Advanced Teaching Methodology)	2	30		0.4	0.6
6	08LPTA2008	Xây dựng chương trình đào tạo (Curriculum Development)	2	30		0.6	0.4
	Học phần tự chọn		19				
1	08LPTA2009	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3			0.4	0.6
2	08LPTA2010	Ngữ pháp chức năng trong giáo dục ngôn ngữ (Language Education: Functional Grammar)	3			0.4	0.6
3	08LPTA2011	Ngôn ngữ học so sánh (Comparative Linguistics)	3			0.4	0.6
4	08LPTA2012	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3			0.4	0.6

5	08LPTA2013	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3			0.4	0.6
6	08LPTA2014	Ngôn ngữ xã hội học (Sociolinguistics)	3			0.4	0.6
7	08LPTA2015	Phong cách học (Stylistics)	3			0.4	0.6
8	08LPTA2016	Xây dựng, phát triển và đánh giá tài liệu giảng dạy (Material Design, Development and Evaluation)	2			0.4	0.6
9	08LPTA2017	Văn học trong giảng dạy tiếng (Literature in Language Teaching)	2			0.4	0.6
10	08LPTA2018	Phương pháp học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (Content and Language Integrated Learning)	3			0.4	0.6
11	08LPTA2019	Tiếng Anh toàn cầu (World Englishes)	3			0.4	0.6
12	08LPTA2020	Sự biến đổi của ngôn ngữ (Language Change)	3			0.4	0.6
III	CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU		12				
1	08LPTA3021	Chuyên đề 1: Advanced academic writing	4	60			
2	08LPTA3022	Chuyên đề 2: Language teaching practice	4	60			
3	08LPTA3023	Chuyên đề 3: Ngôn ngữ đời sống Language in life	4	60			
IV	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		15				
1	08LPTA5024	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	15				
	Tổng số tín chỉ		63				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 16 TC, bao gồm 13 tín chỉ bắt buộc và 3 tín chỉ tự chọn)		

08LPTA1001	Triết học	04
08LPTA1002	Đạo đức trong NCKH	01
08LPTA2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	02
08LPTA2004	Các nguyên tắc học tập và giảng dạy tiếng	02
08LPTA2005	Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	02
08LPTA2006	Kiểm tra ngôn ngữ	02
	Tự chọn 1	03
Học kì 2 (Tổng cộng: 17 tín chỉ, bao gồm 8 tín chỉ bắt buộc và 09 tín chỉ tự chọn)		
08LPTA2007	Phương pháp giảng dạy nâng cao	02
08LPTA2008	Xây dựng chương trình đào tạo	02
	Tự chọn 2	03
	Tự chọn 3	03
	Tự chọn 4	03
08LPTA3021	Chuyên đề nghiên cứu 1	04
Học kì 3 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 8 tín chỉ bắt buộc và 05 tín chỉ tự chọn)		
	Tự chọn 5	03
	Tự chọn 6	02
	Tự chọn 7	02
08LPTA3022	Chuyên đề nghiên cứu 2	04
08LPTA3023	Chuyên đề nghiên cứu 3	04
Học kì 4 (Tổng cộng: 15 tín chỉ bắt buộc)		
08LPTA5024	Luận văn tốt nghiệp	15

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08LPTA1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3

chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thể giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08LPTA1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Phương pháp nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2003
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học gồm 2 phần chính: các phần lý thuyết cơ bản của các vấn đề nghiên cứu và các bước tiến hành bài nghiên cứu khoa học. Học phần gồm có 10 phần. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần này, học viên được cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, bao gồm việc phân biệt nghiên cứu sơ cấp và thứ cấp, các bước chính của quá trình nghiên cứu như vấn đề hóa, lịch sử vấn đề, thiết kế nghiên cứu và phương pháp tiếp cận, cách phân tích cứ liệu định lượng và định tính, cách bình luận kết quả tìm được, cũng như cách nêu các kết luận nghiên cứu chính và đưa ra các khuyến nghị. Ngoài ra, người học cũng được hướng dẫn cách trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo cho đúng qui cách.

4. Các Nguyên tắc học tập và giảng dạy tiếng

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2004
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần gồm 05 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về các nguyên tắc học tập và giảng dạy bao gồm các nội dung chính sau: ngôn ngữ, việc học và việc dạy; so sánh việc tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai; việc học của con người; các kiểu học và các chiến lược học; và các nhân tố thuộc về tính cách của người học. Tất cả những nội dung liên quan đến việc học này được xem xét trong mối tương quan với các nguyên tắc giảng dạy tiếng.

5. Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2005
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai gồm hai nội dung chính là người học (các quá trình diễn ra bên trong đầu người học, đặc điểm của ngôn ngữ trung gian và những sự khác biệt liên quan đến người học) và môi trường học tập / ngôn ngữ (các lý thuyết về việc học nói chung và ảnh hưởng của chu cảnh đối với việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai). Thông qua học phần này, học viên được cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai của người học. Qua đó, học viên có thể vận dụng các kiến thức tiếp thu được vào việc tổ chức các hoạt động giảng dạy Tiếng Anh hoặc tiến hành các nghiên cứu khoa học có liên quan đến việc học và tiếp thu ngôn ngữ của người học.

6. Kiểm tra ngôn ngữ

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 08LPTA2006
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai gồm hai nội dung chính là người học (các quá trình diễn ra bên trong đầu người học, đặc điểm của ngôn ngữ trung gian và những sự khác biệt liên quan đến người học) và môi trường học tập / ngôn ngữ (các lý thuyết về việc học nói chung và ảnh hưởng của chu cảnh đối với việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai). Thông qua học phần này, học viên được cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai của người học. Qua đó, học viên có thể vận dụng các kiến thức tiếp thu được vào việc tổ chức các hoạt động giảng dạy Tiếng Anh hoặc tiến hành các nghiên cứu khoa học có liên quan đến việc học và tiếp thu ngôn ngữ của người học.

7. Phương pháp giảng dạy nâng cao

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2007
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần gồm 05 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ. Học phần nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh bao gồm các nội dung chính sau đây: tổng quan các phương pháp giảng dạy có chú ý đến phương pháp dạy học theo nhiệm vụ, phương pháp dạy các lĩnh vực ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ, cách soạn giáo án, và các tổ chức giảng dạy trên lớp.

8. Xây dựng chương trình đào tạo

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2008
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần gồm 05 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xây dựng và phát triển chương trình học và tổ chức quá trình đào tạo bậc đại học, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy thực tế

9. Ngôn ngữ học ứng dụng

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2009
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Ngôn ngữ học ứng dụng có 5 phần. Đây là học phần tự chọn trong nhóm kiến thức chuyên ngành. Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản việc ứng dụng kiến thức ngôn ngữ vào giảng dạy để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến ngôn ngữ bao gồm định nghĩa ngôn ngữ học ứng dụng và phạm vi của nó, mối quan hệ giữa ngôn ngữ học ứng dụng và việc giảng dạy và học tập ngôn ngữ, hai mô hình nghiên cứu ngôn ngữ và khả năng ứng dụng trong giáo dục ngôn ngữ, ứng dụng việc miêu tả ngôn ngữ và các thành tựu trong ngôn ngữ học để giải quyết các vấn đề trong giảng dạy liên quan đến các lĩnh vực ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ, và khả năng vận dụng mối quan hệ giữa ngôn ngữ và các khía cạnh văn hóa và xã hội. Thông qua học phần, học viên hiểu được sự liên quan của kiến thức ngôn ngữ và các ngành liên quan khác đối với việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ, phát triển các kỹ năng liên quan đến ngôn ngữ học ứng dụng và vận dụng được kiến thức trong ngôn ngữ học và các ngành liên quan khác trong giáo dục ngôn ngữ để giải quyết những vấn đề trong giảng dạy (gồm cả lĩnh vực ngôn ngữ lẫn kỹ năng ngôn ngữ) có liên quan đến kiến thức ngôn ngữ.

10. Ngữ pháp chức năng trong giáo dục ngôn ngữ

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2010
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Ngữ pháp chức năng trong giao dịch ngôn ngữ bao gồm 4 phần. Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về việc nghiên cứu các cách tiếp cận ngôn ngữ theo chức năng hệ thống do việc làm này phù hợp với việc phát triển ngôn ngữ học giáo dục. Các chủ đề của môn học bao gồm: phần tổng quan lịch sử xuất hiện lý thuyết về ngôn ngữ học chức năng hệ thống và sự khẳng định của lý thuyết này về đóng góp cho ngôn ngữ và lý thuyết về việc học cũng như lý thuyết về việc học nói chung; các khái niệm về ba siêu chức năng trong ngôn ngữ, và cách ba chức năng này đóng góp vào việc kiến tạo nghĩa trong ngôn ngữ; các khái niệm về diễn ngôn và các nguồn ngôn ngữ sử dụng để tạo nên các loại văn bản khác nhau, cả nói lẫn viết; sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và viết và những hệ quả quan trọng của sự khác biệt này đối với việc dạy Tiếng Anh, cả nói lẫn viết, ở nhà trường. Thông qua học phần, học viên hiểu các kiến thức quan trọng về ngữ pháp chức năng và ý nghĩa của chúng trong giảng dạy Tiếng Anh và có khả năng áp dụng các kiến thức ngữ pháp chức năng vào công tác chuyên môn.

11. Ngôn ngữ học so sánh

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2011
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp luận của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, bao gồm 6 phần chính: Giới thiệu ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, Các nguyên tắc và phương pháp so sánh đối chiếu ngôn ngữ, Đối chiếu ngữ âm, cú pháp và ngữ dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt, và Các ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Trong học phần này, sinh viên được cung cấp kiến thức để có thể tiến hành các nghiên cứu đối chiếu tiếng Anh và tiếng Việt đơn giản phục vụ công tác giảng dạy, dịch thuật, thi cử và làm giáo trình.

12. Ngôn ngữ học tri nhận

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2012
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp luận của ngôn ngữ học tri nhận. Các nội dung chính bao gồm: mối quan hệ giữa ngôn ngữ và cấu trúc ý niệm, lý thuyết điển dạng, ngữ nghĩa học tri nhận, khung ngữ nghĩa, ngữ pháp tri nhận, ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm. Học viên được cung cấp kiến thức để có thể giải thích một số hiện tượng ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Anh.

13. Ngữ dụng học

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2013
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Ngữ dụng học gồm có 7 phần. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần này, học viên được cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm từ tổng quát cho tới cụ thể về ngữ dụng học, như ngữ dụng học là gì, câu thuộc ý, tiền giả định, nguyên lý hợp tác, nghĩa hàm ẩn,... Trong từng phần, có các nội dung cụ thể đi sâu hơn vào chi tiết. Từ các điểm kiến thức này, người học sẽ nắm được các khái niệm cơ bản về ngữ dụng học và áp dụng các kiến thức này vào công tác chuyên môn.

14. Ngôn ngữ xã hội học

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2014
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Ngôn ngữ xã hội học là một tiểu ngành của Ngôn ngữ học nhằm giúp xác định tác động, ảnh hưởng của các biến thể xã hội học như tuổi tác, chủng tộc, giới tính, và giai tầng xã hội đối với sự hành chức của ngôn ngữ (tiếng Anh). Học phần này có 10 phần, và là học phần tự chọn trong nhóm kiến thức chuyên ngành. Học phần đặc biệt nhấn mạnh đến bối cảnh xã hội của sự đa dạng ngôn ngữ bao gồm phương ngữ học, ngôn ngữ và giới tính, ngôn ngữ lai tạp (pidgins và creoles), các biến thể ngôn ngữ

mới, giao tiếp xuyên văn hóa (cross-cultural communication), v.v. Thông qua học phần, học viên nắm được các kiến thức cần thiết về ngôn ngữ xã hội học, xã hội và văn hóa, qua đó vận dụng các kiến thức đó vào công tác chuyên môn.

15. Phong cách học

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2015
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Phong cách học là học phần tự chọn trong nhóm kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần này bao gồm 10 phần. Các kiến thức được học bao gồm ngôn cảnh tình huống, diễn ngôn và phong cách,... Trong từng phần, học viên sẽ đi sâu vào các khái niệm chi tiết hơn. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về phong cách học tiếng Anh dựa vào tư tưởng chủ đạo trong ngữ pháp chức năng của Halliday để phân tích các loại văn bản tiếng Anh. Thông qua học phần, học viên nắm được các khái niệm cơ bản về phong cách học trong tiếng Anh và áp dụng kiến thức đó vào công tác chuyên môn.

16. Xây dựng, phát triển và đánh giá tài liệu giảng dạy

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2016
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Xây dựng, phát triển và đánh giá tài liệu giảng dạy gồm 7 phần chính: Các hướng nghiên cứu chính trong thiết kế tài liệu giảng dạy và phương pháp, Đánh giá và hiệu chỉnh tài liệu đưa vào giảng dạy, Các nguyên tắc và quy trình phát triển tài liệu giảng dạy, Tài liệu giảng dạy ngoại ngữ cho ESP, Các mô hình phát triển tài liệu giảng dạy phân theo loại tài liệu, Tài liệu giảng dạy kỹ năng nói, và Thu thập tư liệu và phát triển tài liệu từ kinh nghiệm thực tiễn. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về xây dựng, phát triển và đánh giá tài liệu phục vụ chương trình

học, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy trong thực tế.

17. Văn học trong giảng dạy tiếng

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTA2017
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Môn học được thiết kế nhằm giới thiệu những nội dung cơ bản của sự giao thoa giữa ngôn ngữ, văn học và giáo dục để cung cấp cho người học những kỹ thuật hữu hiệu dạy ngôn ngữ và văn học để giảng dạy văn học trong bối cảnh lớp học giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.

18. Dạy học ngôn ngữ tích hợp nội dung

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTA2018
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Cung cấp kiến thức về dạy học ngôn ngữ tích hợp nội dung, kỹ năng thiết kế bài học, kỹ năng khai thác và hình thành tài liệu dạy học ngôn ngữ tích hợp nội dung. Cung cấp kiến thức về phạm vi ứng dụng, tiềm năng và thách thức đối với dạy học ngôn ngữ tích hợp nội dung.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Thanh Bình	TS			
2	Phạm Nguyễn Huy Hoàng	TS			

3	Nguyễn Thanh Tùng	PGS. TS			
4	Tạ Tú Quỳnh	GVC .ThS			
5	Nguyễn Hòa Nhã Lan	GVC .ThS			

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Đoàn Văn Điều	PGS.TS			
2	Nguyễn Huy Cường	TS			
3	Phan Ngọc Thạch	TS			
4	Lê Hoàng Dũng	TS			
5	Vũ Hoa Ngân	TS			
6	Ngô Thị Thanh Vân	TS			
7	Nguyễn Đình Thu	TS			
8	Lê Thị Thanh	TS			
9	Nguyễn Thị Kiều Thu	TS			
10	Lê Thị Kiều Vân	TS			
11	Đặng Tấn Tín	TS			

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GĐ D, GD 18, GĐ 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;

- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;

- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;

- Phòng thí nghiệm Điện kĩ thuật;

- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;

- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;

- Phòng máy tính hiệu năng cao;

- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.

- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.

- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Đảm bảo yêu cầu đối với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ

–Cán bộ quản lý phải hiểu rõ chương trình đào tạo, quản lý chặt chẽ về tiến độ đào tạo và đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra;

–Giảng viên cần quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành;

–Người học phải chủ động tìm hiểu chương trình học tập, tích cực khai thác tài nguyên trong thư viện của Trường và phòng tư liệu của Khoa để thực hiện hiệu quả các hoạt động tự học và tự nghiên cứu.

9.2. Đảm bảo yêu cầu đáp ứng chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học và định hướng nghiên cứu

–Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.

–Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học; đồng thời đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

–Nội dung dạy học cần liên hệ đến những vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành; từ đó, góp phần định hướng nghiên cứu cho người học trong quá trình học tập.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---